



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VẠN AN**  
**Van An Valuation And Auditing Company Limited**

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2013**

**(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN  
THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Head office: 151 Nguyen Ngoc Nhut St., Tan Quy Ward, Tan Phu Dist, HCMC  
(08) 3948 1765 - (08) 3948 1775 - 0913 68 20 75 - Fax: (08) 3948 1776  
Email: vanan.kiemtoan@gmail.com - vanan.audit@gmail.com

Branch Ha Noi: Room no. 1601, Momota building,  
151 Nguyen Duc Canh St, Hoang Mai Dist, Ha Noi City  
Tel: (04) 3662 8634 - Email: vaca.audit.hn@gmail.com

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN  
THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

**SAO Y BẢN CHÍNH**

Ngày tháng năm

TL/TỔNG GIÁM ĐỐC C.TY

TP. KẾ TOÁN - THỐNG KÊ



*Nguyễn Tiến Hùng*



# CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
2. Báo cáo Kiểm toán	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 26

# CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### 1. Khái quát về công ty

CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI (gọi tắt là Công ty) là Doanh nghiệp Nhà Nước được thành lập theo Quyết định số 1549/QĐCT-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc chuyển Công ty Chế Biến Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm Đồng Nai sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - công ty con. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3600268170 ngày 01 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thái Học; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Vốn điều lệ: 233.000.000.000 VND

### 2. Hội đồng quản trị và ban điều hành, quản lý:

Thành viên Ban Tổng giám đốc và Ban điều hành của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Ban Tổng giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Thái Học	Tổng giám Đốc		
Nguyễn Trọng Trí	Phó tổng giám đốc		
Trần Trọng Oai	Phó tổng giám đốc		
Lưu Thị Nga	Kế toán trưởng		

- Trụ sở hoạt động tại: Xa lộ Hà Nội, Phường Long Bình, TP. Biên Hoà, Đồng Nai.
- Mã số thuế công ty: 3600268170
- Điện thoại: 0613.891637 - Fax: 0613.891549
- Các cửa hàng trực thuộc
- Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước Việt Nam:
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hằng năm là 25% trên thu nhập chịu thuế.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hằng năm.

### 2. Các hoạt động chính

- Sản xuất, chế biến, mua bán, xuất nhập khẩu các loại nông sản, thực phẩm, vật tư sản xuất nông nghiệp, các loại hạt ăn được, sản phẩm rau quả và trái cây các loại;
- Sản xuất cây điều giống cao sản. Đầu tư chế biến dầu vỏ điều và các sản phẩm từ dầu vỏ điều, các sản phẩm từ cây điều;
- Nghiên cứu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người trồng điều, nghiên cứu chuyển đổi một số giống cây trồng để chế biến sản phẩm xuất khẩu;
- Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh địa ốc, bất động sản;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh dịch vụ du lịch;
- Dịch vụ thủ tục xuất nhập khẩu. Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.

### 3. Kết quả kinh doanh

(Đơn vị tính: VND)

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu	555.417.617.152	614.733.226.924
Lãi gộp	(79.642.628.402)	(218.059.083)
Lãi trước thuế	(109.509.641.434)	(57.292.353.871)

### 4. Các sự kiện sau ngày lập Bảng cân đối kế toán



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI.

**5. Các thông tin cơ bản khác**

Trước khi các báo cáo tài chính của CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI được lập, Ban Tổng giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản nào của Công ty đã được xác định phù hợp với thực tế hiện hữu của tài sản đó vào thời điểm kết thúc niên độ. Ban Tổng giám đốc đã lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục. Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

**6. Kiểm toán độc lập**

Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Kiểm Toán và định giá Vạn An được chọn là kiểm toán độc lập cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 và đã bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

**7. Xác nhận của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này Ban Tổng giám đốc phải:

- + Lựa chọn chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- + Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng.
- + Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- + Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục

Ban Tổng giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính, các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Thay mặt Ban Tổng giám đốc*

Ngày 06 tháng 03 năm 2014



**Nguyễn Thái Học**  
Giám đốc



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Các báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 của*  
**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

**Số: 3241/2014/VACA**

CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI	
BỘ PHẬN MỘT CỬA	
Số: 86	Ngày: 24/3/14
(HS)	
Chuyển:	

**Kính gửi: Ban Tổng Giám Đốc**

**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 của **CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI** gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2014 từ trang 06 đến trang 26 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến**

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Công việc kiểm toán được chỉ định sau ngày kết thúc kỳ kế toán, vì vậy chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho, tài sản cố định và tiền mặt tồn quỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kiểm toán viên cũng không có điều kiện để áp dụng phương pháp thay thế khác, vì thế chúng tôi không có cơ sở chắc chắn để xác định số lượng hàng tồn kho, tài sản cố định và tiền mặt tại thời điểm nêu trên;

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận các khoản phải thu, phải trả, sau khi chúng tôi áp dụng các thủ tục kiểm toán thay thế khác cũng chưa đủ cơ sở chắc chắn để xác định các khoản công nợ nêu trên;

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty tiếp tục lỗ với giá trị 109,509,641,434 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 166,801,995,305 VND.

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 25 tháng 06 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai "Phê duyệt đề án tái cơ cấu Công ty Chế biến Xuất Nhập Khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai giai đoạn 2012- 2015", trong đó, tại điểm a mục 2 phần II Điều 1 của Quyết định có dự kiến vốn Nhà nước sẽ đạt 230 tỷ đồng đầu tư cho Công ty Chế biến Xuất Nhập Khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai, tăng trưởng bình quân 6%/năm. Sau ngày kết thúc niên độ 2013, Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai có công văn số 344/STC-TCDN ngày 25/01/2014 hướng dẫn sử dụng Quỹ dự phòng Tài chính bù đắp lỗ của Công ty Donafoods. Mặt khác do công ty có cổ phần 12% trong công ty TNHH Đầu tư Long Đức với báo cáo tài chính (đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán KPMG số báo cáo kiểm toán 13-01-139 ngày 25/05/2013) tại thời điểm 31/03/2013 thì công ty công ty TNHH Đầu tư Long Đức có lợi nhuận sau thuế 625,251,466,450 đồng. Số lợi nhuận này sẽ được chia trong năm 2015. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Ngoại trừ ảnh hưởng (nếu có) từ những hạn chế nêu trên đến các chỉ tiêu của báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI** tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Vạn An



**Vương Hoàng Liêm – Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐK hành nghề KT 0227-2013-110-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2014

**Nguyễn Khánh Tuyên - Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐK hành nghề kiểm toán 0228-2013-110-1

# CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI  
BỘ PHẬN MỘT CỬA

Số: 89  
Ngày: 24/3/14  
(HS)  
Chuyển: ..... Đơn vị tính: VND.....

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>81.743.063.268</b>	<b>436.667.754.835</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.144.433.128</b>	<b>17.409.750.799</b>
1. Tiền	111		3.144.433.128	17.409.750.799
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>32.993.939.376</b>	<b>106.746.928.733</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	28.126.933.652	83.907.106.420
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	13.874.053.261	31.038.291.446
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	2.102.802.507	2.911.380.911
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(11.109.850.044)	(11.109.850.044)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>40.557.414.938</b>	<b>306.757.361.739</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	56.627.105.185	318.545.735.973
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.069.690.247)	(11.788.374.234)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.047.275.826</b>	<b>5.753.713.564</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.640.188.058	4.088.758.290
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.14	1.000.465.250	1.000.309.126
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
2. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	406.622.518	664.646.148
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>115.549.515.358</b>	<b>118.259.196.567</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>55.308.213.815</b>	<b>57.051.130.002</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	55.308.213.815	52.669.364.547
<i>Nguyên giá</i>	222		119.966.708.418	111.478.287.277
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(64.658.494.603)	(58.808.922.730)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	-	4.381.765.455
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>58.309.501.000</b>	<b>58.309.501.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	24.168.050.000	24.168.050.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	34.141.451.000	34.141.451.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.931.800.543</b>	<b>2.898.565.565</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1.931.800.543	2.898.565.565
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>197.292.578.626</b>	<b>554.926.951.402</b>



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>172.463.336.501</b>	<b>420.588.067.843</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>172.103.806.501</b>	<b>420.172.067.843</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	151.180.893.146	393.326.566.852
2. Phải trả người bán	312	V.13	7.450.943.091	9.534.662.832
3. Người mua trả tiền trước	313		404.432.667	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	3.987.605.461	3.987.605.461
5. Phải trả người lao động	315		2.408.708.000	4.133.771.607
6. Chi phí phải trả	316	V.15	494.228.836	448.440.223
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.284.535.720	-
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi, nghiên cứu khoa học	323	V.16	4.892.459.580	8.741.020.868
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>359.530.000</b>	<b>416.000.000</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	359.530.000	416.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>24.829.242.125</b>	<b>134.338.883.559</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>24.809.242.125</b>	<b>134.318.883.559</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		191.134.379.133	111.040.525.340
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	68.088.040.743
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	12.005.813.050
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		476.858.297	476.858.297
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(166.801.995.305)	(57.292.353.871)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>20.000.000</b>	<b>20.000.000</b>
2. Nguồn kinh phí	432		20.000.000	20.000.000
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>197.292.578.626</b>	<b>554.926.951.402</b>



# CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

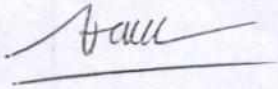
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

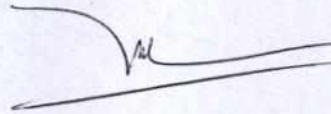
### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		390.836.318	390.836.318
5. Ngoại tệ các loại:			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Đồng Nai, Ngày 20 tháng 01 năm 2014



Phạm Thị Tâm  
Người lập biểu



Lưu Thị Nga  
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thái Học  
Giám đốc



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

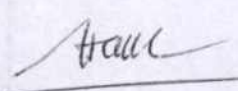
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

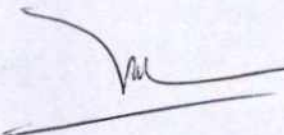
Năm 2013


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.19	555.417.617.152	614.733.226.924
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.19	2.623.740.453	668.527.428
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19	552.793.876.699	614.064.699.496
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.20	632.436.505.101	614.282.758.579
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(79.642.628.402)	(218.059.083)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21	5.080.611.940	3.718.456.820
7. Chi phí tài chính	22	VI.22	20.628.040.142	39.402.400.814
Trong đó: chi phí lãi vay	22		16.960.504.767	36.598.029.472
8. Chi phí bán hàng	24	VI.23	4.257.500.277	5.298.335.330
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.24	10.825.994.587	16.569.744.266
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(110.273.551.468)	(57.770.082.673)
11. Thu nhập khác	31	V.25	2.573.428.426	5.953.308.222
12. Chi phí khác	32	V.26	1.809.518.392	5.475.579.420
13. Lợi nhuận khác	40		763.910.034	477.728.802
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(109.509.641.434)	(57.292.353.871)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(109.509.641.434)	(57.292.353.871)

Đồng Nai, Ngày 20 tháng 01 năm 2014

  
Phạm Thị Tâm  
Người lập biểu

  
Lưu Thị Nga  
Kế Toán Trưởng

  
Nguyễn Thái Học  
Giám đốc





**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		603.147.859.053	597.736.101.616
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(176.816.416.418)	(379.301.946.358)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(44.186.307.933)	(60.841.244.735)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(20.619.577.461)	(36.230.198.190)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		555.629.677.069	1.983.434.299.562
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(483.052.111.923)	(1.685.821.964.278)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>434.103.122.387</b>	<b>418.975.047.617</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>20</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(651.658.362)	(790.083.743)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		28.721.733	402.199.455
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.604.443.579	1.636.412.203
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.981.506.950</b>	<b>1.248.527.915</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		139.735.143.040	478.872.032.542
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(590.085.090.048)	(919.649.154.252)
3. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
4. Cổ tức lợi nhuận đã trả chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(450.349.947.008)</b>	<b>(440.777.121.710)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(14.265.317.671)</b>	<b>(20.553.546.178)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>17.409.750.799</b>	<b>37.963.296.977</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>3.144.433.128</b>	<b>17.409.750.799</b>

Biên Hòa, ngày 20 tháng 01 năm 2012



Nguyễn Thái Học  
Tổng Giám đốc

Phạm Thị Tâm  
Người lập biểu

Lưu Thị Nga  
Kế toán trưởng



# CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Đơn vị tính: VND)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. *Hình thức sở hữu vốn: Nhà nước*

2. *Lĩnh vực hoạt động kinh doanh: Sản xuất và xuất khẩu*

3. *Ngành nghề kinh doanh:*

Đầu tư vùng nguyên liệu nông sản. Sản xuất, chế biến, mua bán, xuất nhập khẩu các loại nông sản, thực phẩm, vật tư sản xuất nông nghiệp, các loại hạt ăn được, sản phẩm rau quả và trái cây các loại. Sản xuất cây điều giống cao sản. Đầu tư chế biến dầu vô điều và các sản phẩm từ dầu vô điều, các sản phẩm từ cây điều. Nghiên cứu chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người trồng điều, nghiên cứu chuyển đổi một số giống cây trồng để chế biến sản phẩm xuất khẩu. Đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, kinh doanh địa ốc, bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh dịch vụ du lịch. Dịch vụ thủ tục xuất nhập khẩu. Đầu tư tài chính vào doanh nghiệp khác.

4. *Đặc điểm của hoạt động doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:*

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. *Kỳ kế toán năm: Bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.*

2. *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).*

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định số 15/2006-QĐ/BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. *Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.*

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. *Cơ sở lập Báo cáo tài chính*

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. *Tiền và tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. *Hàng tồn kho*

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: theo giá gốc.



# CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Đơn vị tính: VND)

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp sản phẩm hoàn thành tương đương.

*Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:* Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Kế khai thường xuyên.

*Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:* Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Loại tài sản cố định	năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định khác	

#### 6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.



## CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Đơn vị tính: VND)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 7. Chi phí trả trước dài hạn

##### - Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

#### 9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

#### 9. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

##### - Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu: vốn pháp định đã đầu tư.

+ Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

##### - Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### 11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

#### 12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận theo TT số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài Chính.

#### 13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	23.903.662	3.083.227.979
Tiền gửi ngân hàng	3.120.529.466	10.773.423.259
- Tiền gửi VND	472.899.997	-
- Tiền gửi ngoại tệ	2.647.629.469	3.553.099.561
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng	-	-
- Cổ phiếu	-	-
- Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.144.433.128</u></b>	<b><u>17.409.750.799</u></b>

Chi tiết số dư các ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>
<b>Tiền gửi VND</b>	
<b>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam</b>	
Chi nhánh: Khu Công nghiệp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	
Số tài khoản.: 102010001043811 (Tài khoản 1121)	251.148.686
<b>Ngân hàng TMCP An Bình</b>	
Chi nhánh: Tỉnh Đồng Nai	
Số tài khoản.: 0081001967002 (Tài khoản 1121)	39.145.522
<b>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt nam</b>	
Chi nhánh: Tỉnh Đồng Nai	
Số tài khoản.: 012.1.00.137788.2 (Tài khoản 1121)	39.653.039
<b>Ngân hàng Quân Đội</b>	
Chi nhánh: PGD Long Thành, Tỉnh Đồng Nai	
Số tài khoản.: 7211100044001 (Tài khoản 1121)	60.775.665
<b>Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh</b>	
Chi nhánh: Tỉnh Đồng Nai	
Số tài khoản.: 040704070003885 (Tài khoản 1121)	26.475.925
<b>Các ngân hàng khác</b>	55.701.160
<b>Cộng số dư tiền gửi VND</b>	<b><u>472.899.997</u></b>

<b>Tiền gửi USD</b>	<u>VND</u>	#	<u>USD</u>
---------------------	------------	---	------------

**Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam**

Chi nhánh: Tỉnh Đồng Nai



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Số tài khoản.: 102020000120606 (Tài khoản 1122)	30.446.034	#	1.447,33
Số tài khoản.: 102020000028755 (Tài khoản 1122)	14.953.230	#	710,84
<b>Ngân hàng An Bình</b>			
Chi nhánh: Tỉnh Đồng Nai			
Số tài khoản.: 0081001968009 (Tài khoản 1122)	2.389.915.527	#	113.610,74
<b>Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt</b>			
Chi nhánh: Tỉnh Đồng Nai			
Số tài khoản.: 4550550000040800012 (Tài khoản 1122)	39.606.160	#	1.882,78
<b>Ngân hàng Ngoại Thương</b>			
Chi nhánh: Tỉnh Đồng Nai			
Số tài khoản.: 012.1.37.137797.5 D 05 (Tài khoản 1122)	15.652.256	#	744,07
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam</b>			
Chi nhánh: Tỉnh Đồng Nai			
Số tài khoản.: 67010370007072 (Tài khoản 1122)	34.194.859	#	1.625,54
<b>Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh</b>			
Chi nhánh: Tỉnh Đồng Nai			
Số tài khoản.: 0407040700000055 (Tài khoản 1122)	50.937.832	#	2.421,46
<b>Ngân hàng Quân Đội</b>			
Chi nhánh: PGD Long Thành, Tỉnh Đồng Nai			
Số tài khoản.: 7211100045008 (Tài khoản 1122)	47.221.613	#	2.244,08
<b>Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam</b>			
Chi nhánh: Tỉnh Đồng Nai			
Số tài khoản.: 611840060000392 (Tài khoản 1122)	12.409.136	#	589,90
<b>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội</b>			
Chi nhánh: Tỉnh Đồng Nai			
Số tài khoản.: 1001065849 (Tài khoản 1122)	11.000.777	#	522,95
<b>Các ngân hàng khác</b>	1.292.046	#	64,80
<b>Cộng số dư tiền gửi USD</b>	<b>2.647.629.470</b>	<b>#</b>	<b>125.864,49</b>

Số dư ngoại tệ được đánh giá cuối kỳ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng giao dịch công bố tại thời điểm 31/12/2012.  
Và tại thời điểm 31/12/2013.

**2. Phải thu của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Nhật Sơn	-	65.286.236
Công ty TNHH Huỳnh Giá Tiến Phát	116.521.500	-
Công ty Quán Lâm	-	132.940.500
Bùi Công Hưng	15.805.000	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH MTV Nhật Bình An	23.833.920	-
Mars Inter	792.024.084	5.585.149.084
Kanematsu Chemicals coporation	1.919.861.000	3.436.926.761
Công ty Toyota	4.913.748.000	-
Red River Foods	10.078.348.000	17.585.825.409
Tohoku Chemical Industrial Việt Nam	443.417.800	379.500.000
Công ty KD hạt điều hải sản Tứ Hải	3.987.587.971	19.785.314.136
Michael Waring Trading PTY	5.596.091.158	28.371.435.414
Neha Overseas	14.756.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Hùng Lộc	224.939.220	68.657.600
Công ty Đa ngành Phúc Nguyễn	-	774.263.120
Công ty TNHH Phương Trâm	-	67.518.160
World Commerce FZY Com	-	7.654.290.000
Các đối tượng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>28.126.933.652</b>	<b>83.907.106.420</b>

**Chi tiết nguyên tệ USD phải thu khách hàng như sau:**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mars Inter	37.572,30	268.335,00
Công ty Toyota	233.100,00	-
Red River Foods	478.100,00	844.900,00
Tohoku Chemical Industrial Việt Nam	21.035,00	-
Công ty KD hạt điều hải sản Tứ Hải	189.164,51	948.194,30
Michael Waring Trading PTY	265.469,22	1.362.393,05
Neha Overseas	700,00	-
Kanematsu Chemicals coporation	91.075,00	165.125,00
World Commerce FZY Com	-	367.500,00
<b>Cộng (*)</b>	<b>1.316.216,03</b>	<b>3.956.447,35</b>

(\*) : Việc đánh giá số dư ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo thông tư 179/2012/TT- BTC ngày 24/10/2012.

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cơ khí thực phẩm Biên Hòa	86.600.000	86.600.000
Công ty điện lực Đồng Nai	45.000.000	-
Công ty TNHH Hòa Phát	6.392.923.668	6.392.923.668
Nguyễn Thị Hương	450.000.000	450.000.000
Tạ Đình Hải - Mua bán nhân điều	244.400.000	544.400.000
Nguyễn Tấn Hùng - Công ty TNHH Thiên Đồng NT	386.320.369	386.320.369
Công ty Tuấn Minh - mua nhân điều	1.727.779.324	1.727.779.324
Công ty Cổ phần Donafoods Thái Bình	1.915.798.669	4.358.842.010
Chi cục thi hành án huyện Bù Đốp - tỉnh Bình Phước	15.076.615	-
Chi cục thi hành án thị xã Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước	41.703.000	-
Công ty TNHH Việt Sơn - Đồng Xoài	1.845.083.016	1.845.083.016
Chi cục thi hành án thành phố Phan Thiết - tỉnh Bình Thuận	36.128.000	-
Công ty TNHH MTV Đức Nghĩa	-	3.650.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Kiến Tường	177.205.600	440.000.000
Công ty Khải Hoàn An - Hợp đồng làm chủ quyền đất	369.000.000	369.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty CP Đầu tư Phát triển CN MT Liên Hiệp Xanh	27.500.000	27.500.000			
Luật sư Nguyễn Thành Vàng	85.000.000	136.892.630			
Quang Trung	7.965.000	7.965.000			
Nguyễn Văn Tinh	-	50.000.000			
Trần Công Bằng	-	168.000.000			
Trung tâm truyền thông và tư vấn môi trường Đồng Nai	20.570.000	20.570.000			
Công ty TNHH Tân Việt Thắng	-	9.881.800.000			
Kohinoor Internation	-	36.399.429			
Right Mark Intl - Máy phân loại hạt điều	-	458.216.000			
<b>Cộng</b>	<b>13.874.053.261</b>	<b>31.038.291.446</b>			
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>			
Nợ vay ngắn hạn, lãi vay phải thu Cty Thọ Vực	221.143.667	221.143.667			
Công ty Phát hành sách Đồng nai	816.000	204.000.000			
Công ty CP may Đồng Nai	1.400.000.000	1.400.000.000			
Công ty Giày dép Cao Su Màu	453.655.818	486.052.500			
Công ty CP Gốm Việt Thành	-	212.176.752			
Phải thu khác	27.187.022	388.007.992			
<b>Cộng</b>	<b>2.102.802.507</b>	<b>2.911.380.911</b>			
<b>5. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>			
Nguyên vật liệu	629.728.807	100.729.152.832			
Công cụ, dụng cụ	1.908.688.550	2.065.594.812			
Chi phí SXKD dở dang	10.425.336.536	90.146.566.973			
Thành phẩm	43.663.351.292	125.604.421.356			
<b>Cộng</b>	<b>56.627.105.185</b>	<b>318.545.735.973</b>			
<b>6. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>			
Tạm ứng	406.622.518	664.646.148			
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	-			
<b>Cộng</b>	<b>406.622.518</b>	<b>664.646.148</b>			
<b>7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>					
	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	58.876.303.368	45.364.010.480	5.779.990.655	1.457.982.774	111.478.287.277
Mua trong năm	6.995.255.982	4.848.779.029	-	-	11.844.035.011
Thanh lý, nhượng bán	64.694.841	1.328.403.075	-	-	1.393.097.916
Giảm khác	628.830.583	1.005.929.424	-	327.755.947	1.962.515.954
<b>Số cuối năm</b>	<b>65.178.033.926</b>	<b>47.878.457.010</b>	<b>5.779.990.655</b>	<b>1.130.226.827</b>	<b>119.966.708.418</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	33.812.956.045	21.479.592.367	2.872.180.062	644.194.256	58.808.922.730
Khấu hao trong năm	3.726.427.698	3.993.517.308	488.203.444	132.235.175	8.340.383.625



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thanh lý, nhượng bán	4.166.665	894.569.345	-	-	898.736.010
Giảm khác	551.568.332	726.971.464	-	313.535.946	1.592.075.742
<b>Số cuối năm</b>	<b>37.535.217.078</b>	<b>24.578.540.330</b>	<b>3.360.383.506</b>	<b>776.429.431</b>	<b>64.658.494.603</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	25.063.347.323	23.884.418.113	2.907.810.593	813.788.518	52.669.364.547
<b>Số cuối năm</b>	<b>27.642.816.848</b>	<b>23.299.916.680</b>	<b>2.419.607.149</b>	<b>353.797.396</b>	<b>55.308.213.815</b>

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 15,734,985,268 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng

Nguyên giá tài sản cố định thế chấp để vay ngân hàng: 70,945,289,500 đồng.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Công trình	Số cuối năm	Số đầu năm
Chuyển nhượng tài sản trên đất	-	4.311.818.182
Thiết kế, thẩm tra bản vẽ kỹ thuật thi công	-	3.118.870
Di dời trạm điện Xuân Lộc về Long Khánh	-	66.828.403
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4.381.765.455</b>

**9. Đầu tư vào công ty con**

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần Công ty sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty phát hành sách Đồng Nai	51,00%	2.040.000.000
Công ty Cổ Phần Dược Đồng Nai	51,00%	10.126.050.000
Công ty Donafoods Thái Bình	60,01%	12.002.000.000
<b>Cộng</b>		<b>24.168.050.000</b>

**10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ vốn Công ty sở hữu	Vốn đầu tư
Công ty Gốm Việt Thành	30,00%	3.520.461.000
Công ty Cổ Phần Long Đức	12,00%	26.000.640.000
Công ty CP giấy dếp cao su màu Đồng Nai	37,45%	3.240.350.000
Công ty CP Thẩm Định giá Đồng Nai	51,00%	1.380.000.000
<b>Cộng</b>		<b>34.141.451.000</b>

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Chi phí chờ phân bổ	2.898.565.565	1.455.958.701	2.422.723.723,00	1.931.800.543
<b>Cộng</b>	<b>2.898.565.565</b>	<b>1.455.958.701</b>	<b>2.422.723.723</b>	<b>1.931.800.543</b>

**12. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>151.124.295.146</b>	<b>392.701.366.852</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	75.606.576.003	171.103.602.928
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	21.493.891.100
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển - CN Đồng Nai	-	10.410.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	21.006.907.422	103.560.137.400



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Ngân hàng TMCP An Bình	6.910.811.721	25.683.735.424
Quỹ Đầu tư Phát Triển Đồng Nai	47.600.000.000	50.000.000.000
Vay các đối tượng khác	-	10.450.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>56.598.000</b>	<b>625.200.000</b>
Quỹ Đầu tư Phát Triển Đồng Nai	56.598.000	625.200.000
<b>Cộng</b>	<b>151.180.893.146</b>	<b>393.326.566.852</b>

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:**

Nội dung	Số đầu năm	Số tiền vay trong năm	Đánh giá lại tiền vay	Số tiền đã trả trong năm	Số cuối năm
Ngân hàng TMCP Công thương Việt	171.103.602.928	212.495.646.133	1.026.280.374	309.018.953.432	75.606.576.003
Ngân hàng TMCP Quân Đội	21.493.891.100	-	31.369.546	21.525.260.646	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển -	10.410.000.000	2.400.000.000	-	12.810.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	103.560.137.400	91.543.068.581	1.540.227.552	175.636.526.111	21.006.907.422
Ngân hàng TMCP An Bình	25.683.735.424	40.125.103.459	131.880.697	59.029.907.859	6.910.811.721
Quỹ Đầu tư Phát Triển Đồng Nai	50.000.000.000	-	-	2.214.061.000	47.785.939.000
Các đối tượng khác	10.450.000.000	-	-	10.450.000.000	-
Quỹ Đầu tư Phát Triển Đồng Nai	625.200.000	-	-	568.602.000	56.598.000
<b>Cộng</b>	<b>393.326.566.852</b>	<b>346.563.818.173</b>	<b>2.729.758.169</b>	<b>591.253.311.048</b>	<b>151.366.832.146</b>

Khoản dư nợ vay ngắn hạn cuối năm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Biên Hòa là khoản dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 2013-ĐONA/HĐTĐ ngày 31/05/2013 với hạn mức tín dụng 100,000,000,000 đồng, Lãi xuất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, từ ngày 31/05/2013 đến hết ngày 31/05/2014.

*Tài sản đảm bảo cho hợp đồng này là các kho và xưởng sản xuất nhà máy Long Bình (trừ kho sản phẩm mới) với tổng giá trị thế chấp là 70,945,289,500 đồng.*

Khoản dư nợ vay ngắn hạn cuối năm tại Ngân hàng TMCP An Bình - CN Đồng Nai là khoản dư nợ theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 104/13/TD/XIII ngày 05/06/2013 với hạn mức tín dụng 20,000,000,000 đồng, Lãi xuất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, từ ngày 05/06/2013 đến hết ngày 05/06/2014.

Khoản dư nợ vay ngắn hạn cuối năm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Đồng Nai là khoản dư nợ theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 090-2012-0466/HDHM-PN/SHB ĐNAI ngày 30/07/2012 và phụ lục hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 01/090-2012-0466/HDHM-PN/SHB ĐNAI ngày 30/07/2013 với hạn mức tín dụng 100,000,000,000 đồng, Lãi xuất vay theo từng lần nhận nợ, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, từ ngày 30/07/2013 đến hết ngày 30/07/2014.



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**13. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi Commodities - Canada	2.606.612.952	2.575.503.210
Nhà máy cơ khí Đồng Nai	366.319.800	277.187.350
Công ty Dakhn Gate Ấn Độ	447.730.771	442.387.136
Công ty SXKD giấy in và bao bì Liskin	240.895.600	207.108.000
Công ty Motley Resources	-	250.805.152
Sita S.A	-	515.451.552
Công ty TNHH Tấn Tấn Lộc	133.017.984	164.423.534
Công ty Mỹ Anh An	585.443.000	-
Iar Agricultural	1.006.257.520	-
Vkc Nuts - Ấn Độ (Orion)	641.715.004	-
Công ty Cổ Phần Nguyễn Cường	168.959.722	-
3F Ghana	-	1.076.867.376
Cơ sở Tín Diệu	560.000.000	1.923.750.000
Nguyễn Minh Đạo	-	697.405.400
Michael Waring Trading	676.949.739	533.020.392
Công ty TNHH MTV Quang Huy Phát	-	206.107.000
Các đối tượng khác	17.041.000	664.646.730
<b>Cộng</b>	<b><u>7.450.943.091</u></b>	<b><u>9.534.662.832</u></b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Các loại thuế	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT	-	3.229.934.329	3.229.934.329	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	146.163.315	146.163.315	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	45.834.512	45.834.512	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.050.709.126)	-	-	(1.050.709.126)
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.987.605.461	886.879.278	886.879.278	3.987.605.461
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.936.896.335</b>	<b>4.311.811.434</b>	<b>4.311.811.434</b>	<b>2.936.896.335</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Xuất khẩu dầu điều, nhân điều, gia công xuất khẩu hạt maca	0%
- Bán nội địa nhân điều, vỏ lụa, điều tươi sấu...	5%
- Bán nội địa bã điều ép, dầu điều, nhân điều...	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh IV.11 và VI.9.



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất được nộp theo tờ khai thuế đất.

**Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**15. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng hộ các nhà máy	-	14.280.000
Tiền hoa hồng phải trả bán dầu điều	234.210.000	-
Lãi vay phải trả của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	62.468.082	-
Lãi vay phải trả quỹ đầu tư phát triển Đồng Nai	185.939.000	-
Phải trả khác	11.611.754	434.160.223
<b>Cộng</b>	<b><u>494.228.836,00</u></b>	<b><u>448.440.223</u></b>

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	4.421.505.998	7.910.058.114
Quỹ phúc lợi	11.021.641	263.630.813
Quỹ thưởng ban điều hành công ty	459.931.941	567.331.941
<b>Cộng</b>	<b><u>4.892.459.580</u></b>	<b><u>8.741.020.868</u></b>

**17. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>359.530.000</b>	<b>416.000.000</b>
Quỹ Đầu tư Phát Triển Đồng Nai	359.530.000	416.000.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b><u>359.530.000</u></b>	<b><u>416.000.000</u></b>

**18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn góp	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa PP
Số đầu năm nay	111.040.525.340	476.858.297	68.088.040.743	12.005.813.050	(57.292.353.871)
Tăng vốn trong năm nay	80.093.853.793				
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	-	(109.509.641.434)
Chi các quỹ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-
Chi thù lao HĐQT	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	68.088.040.743	12.005.813.050	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>191.134.379.133</b>	<b>476.858.297</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(166.801.995.305)</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>555.417.617.152</b>	<b>614.733.226.924</b>
- Doanh thu bán vật tư, bao bì, công cụ	357.414.000	1.451.066.000
- Doanh thu bán các sản phẩm mới, cao cấp	414.910.132	648.249.073
- Doanh thu các loại sản phẩm điều	554.582.607.785	612.560.575.860
- Doanh thu xuất mẫu	62.685.235	73.335.991
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>2.623.740.453</b>	<b>668.527.428</b>
- Chiết khấu thương mại	-	-
- Giảm giá hàng bán	417.778.436	668.527.428
- Hàng bán bị trả lại	2.205.962.017	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>552.793.876.699</b>	<b>614.064.699.496</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	1.451.066.000
Giá vốn thành phẩm	632.436.505.101	612.831.692.579
<b>Cộng</b>	<b>632.436.505.101</b>	<b>614.282.758.579</b>

**3. Doanh thu tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	43.994.042	1.370.922.365
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.371.955.117	711.122.252
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	60.219.202	-
Cổ tức nhận được những năm trước	2.604.443.579	1.636.412.203
<b>Cộng</b>	<b>5.080.611.940</b>	<b>3.718.456.820</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	17.016.055.371	36.664.358.413
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	646.903.307	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.965.081.464	2.738.042.401
<b>Cộng</b>	<b>20.628.040.142</b>	<b>39.402.400.814</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bán dầu điều	628.850.559	1.498.023.924
Chi phí bán sản phẩm mới	575.280.905	305.727.895
Chi phí bán nhân điều	3.053.368.813	3.494.583.511
<b>Cộng</b>	<b>4.257.500.277</b>	<b>5.298.335.330</b>

**6. Chi phí quản lý**

	<u>Năm nay</u>
Chi phí nhân viên	6.017.881.781
Chi phí đồ dùng văn phòng	314.212.484
Khấu hao tài sản cố định	1.050.234.831



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế, phí, lệ phí		1.002.351.907
Chi phí lập dự phòng		-
Chi phí dịch vụ mua ngoài		609.280.443
Chi phí bằng tiền khác		1.832.033.141
<b>Cộng</b>		<b>10.825.994.587</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Bán bao tạ rách	-	23.454.546
Tiền cho thuê máy móc	188.000.000	-
Bán sắt phế liệu	23.847.273	133.136.364
Thanh lý tài sản	450.000.000	124.272.727
Chênh lệch điều thô nhập khẩu	-	5.345.048.494
Giảm trừ công nợ phải trả	1.882.858.610	-
Chênh lệch góp vốn bằng tài sản	-	10.000.000
Bồi thường do vận chuyển, bảo quản điều	-	238.974.000
Cho thuê máy phân loại	-	56.333.000
Cân xe	-	22.089.091
Thu nhập khác	28.722.543	-
<b>Cộng</b>	<b>2.573.428.426</b>	<b>5.953.308.222</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thuê mặt bằng, nhà xưởng	-	372.000.000
Tiền phạt thuế, phạt hành chính	-	1.346.758.543
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	-	214.582.900
Phạt nộp chậm bảo hiểm xã hội	221.597.517	-
Chi phí không đủ điều kiện khấu trừ	705.473.333	-
Thuế GTGT nộp phạt theo quyết định của cơ quan thuế	-	289.103.316
Thuế TNDN nộp phạt theo quyết định của cơ quan thuế	-	50.400.000
Tiền thuê đất phải nộp	-	3.043.157.261
Chi phí khác	882.447.542	159.577.400
<b>Cộng</b>	<b>1.809.518.392</b>	<b>5.475.579.420</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>(109.509.641.434)</b>	<b>(57.292.353.871)</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp (*):	<b>(4.582.234.991)</b>	<b>(2.278.711.967)</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng	927.070.850	2.095.742.637
- Các khoản điều chỉnh giảm	5.509.305.841	4.374.454.604
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>(114.091.876.425)</b>	<b>(59.571.065.838)</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) : Chi tiết các khoản điều chỉnh

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
<b>Các khoản điều chỉnh tăng:</b>	<b>927.070.850</b>	<b>2.095.742.637</b>
Tiền phạt và truy thu thuế GTGT và thuế TNDN	-	339.503.316
Tiền phạt thuế, phạt hành chính	-	1.346.758.543
Chi phí không đủ hóa đơn chứng từ	705.473.333	409.480.778
Phạt nộp chậm bảo hiểm xã hội	221.597.517	
<b>Các khoản điều chỉnh giảm:</b>	<b>5.509.305.841</b>	<b>4.374.454.604</b>
Tiền thu cổ tức từ các đơn vị	2.604.443.579	1.636.412.203
Lãi lỗ tỷ giá chưa thực hiện	2.904.862.262	2.738.042.401

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan****Các bên liên quan với Công ty gồm:**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty phát hành sách Đồng Nai	Công ty Con
Công ty CP Thẩm Định giá Đồng Nai	Công ty Con
Công ty Cổ Phần Dược Đồng Nai	Công ty Con
Công ty Donafoods Thái Bình	Công ty Con
Công ty Gốm Việt Thành	Công ty liên doanh liên kết
Công ty Cổ Phần Long Đức	Công ty liên doanh liên kết
Công ty CP giấy dếp cao su màu Đồng Nai	Công ty liên doanh liên kết
Công ty CP Thẩm Định giá Đồng Nai	Công ty liên doanh liên kết
Phan quý Phụng	Mua hạt điều thô với số lượng lớn
Vkc Nuts - Ấn Độ (Orion)	Mua hạt điều thô với số lượng lớn
Quý Đầu tư Phát Triển Đồng Nai	Mua hạt điều thô với số lượng lớn
Doanh nghiệp tư nhân Phú Thọ	Mua hạt điều thô với số lượng lớn
Công ty TNHH MTV SX gạch men Kim Minh	Bán nhân điều nhiều
Công ty TNHH Huỳnh Giá Tiến Phát	Bán nhân điều nhiều
Red River Foods	Bán nhân điều nhiều

**Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:**

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	VND
Red River Foods	Bán nhân điều	153.457.392.031
Công ty KD hạt điều hải sản Tứ Hải	Bán nhân điều	127.144.993.218
Michael Waring Trading PTY	Bán nhân điều	116.383.703.573
Công ty Cổ Phần Dược Đồng Nai	Thu cổ tức	1.518.907.500
Công ty phát hành sách Đồng Nai	Thu cổ tức	194.616.000
Công ty CP Thẩm Định giá Đồng Nai	Thu cổ tức	134.964.000
Công ty CP giấy dếp cao su màu Đồng Nai	Thu cổ tức	453.655.818
Công ty Gốm Việt Thành	Thu cổ tức	302.300.261
Phan quý Phụng	Mua hạt điều thô	96.901.767.906
Vkc Nuts - Ấn Độ (Orion)	Mua hạt điều thô	51.788.484.241
Iar Agricultural	Mua hạt điều thô	43.600.305.573
Doanh nghiệp tư nhân Phú Thọ	Mua hạt điều thô	44.256.658.107

**Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan như sau:**

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	VND
---------------	--------------------	-----



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Red River Foods	Bán nhân điều	10.078.348.000
Công ty KD hạt điều hải sản Tứ Hải	Bán nhân điều	3.987.587.971
Michael Waring Trading PTY	Bán nhân điều	5.596.091.158
<b>Cộng nợ phải thu</b>		<b>19.662.027.128</b>

Iar Agricultural	Mua hạt điều thô	1.006.257.520
Vkc Nuts - Ấn Độ (Orion)	Mua hạt điều thô	641.715.004
<b>Cộng nợ phải trả</b>		<b>1.647.972.524</b>

**2. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty tiếp tục lỗ với giá trị 109,509,641,434 VND và khoản lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 166,801,995,305 VND.

Căn cứ Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 25 tháng 06 năm 2013 của UBND tỉnh Đồng Nai "Phê duyệt đề án tái cơ cấu Công ty Chế biến Xuất Nhập Khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai giai đoạn 2012- 2015", trong đó, tại điểm a mục 2 phần II Điều 1 của Quyết định có dự kiến vốn Nhà nước sẽ đạt 230 tỷ đồng đầu tư cho Công ty Chế biến Xuất Nhập Khẩu Nông sản Thực phẩm Đồng Nai, tăng trưởng bình quân 6%/năm. Sau ngày kết thúc niên độ 2013, Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai có công văn số 344/STC-TCDN ngày 25/01/2014 hướng dẫn sử dụng Quỹ dự phòng Tài chính bù đắp lỗ của Công ty Donafoods. Mặt khác do công ty có cổ phần 12% trong công ty TNHH Đầu tư Long Đức với báo cáo tài chính (đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán KPMG số báo cáo kiểm toán 13-01-139 ngày 25/05/2013) tại thời điểm 31/03/2013 thì công ty công ty TNHH Đầu tư Long Đức có lợi nhuận sau thuế 625,251,466,450 đồng. Số lợi nhuận này sẽ được chia trong năm 2015. Do vậy Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Chỉ tiêu		Năm nay	Năm trước
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>Cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	41,43	78,69
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	58,57	21,31
<b>Cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	87,42	75,79
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	12,58	24,21
<b>Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,14	1,32
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,47	1,04
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,04
<b>Tỷ suất sinh lời</b>			
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	(19,81)	(9,33)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	(19,81)	(9,33)
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	(55,51)	(10,32)
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	(55,51)	(10,32)



**CÔNG TY CHẾ BIẾN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM ĐỒNG NAI**

Địa chỉ : Phường Long Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai

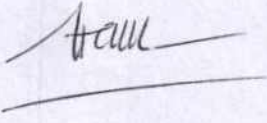
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu % (441,05) (42,65)

Đồng Nai, Ngày 20 tháng 01 năm 2014



**Phạm Thị Tâm**  
Người lập biểu



**Lưu Thị Nga**  
Kế Toán Trưởng



**Nguyễn Thái Học**  
Giám đốc

